

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục cử nhân chất lượng cao ngành Kế toán của Học viện Ngân hàng

#### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-KĐCLGDSG ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định số 162/QĐ-KĐCLGDSG ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc kiện toàn và điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-KĐCLGDSG ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc tổ chức Phiên họp Lần thứ 6 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ Tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Kế toán; Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài; Báo cáo thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp Lần thứ 6 ngày 21 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục,

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Đoàn Đánh giá ngoài chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Kế toán của Học viện Ngân hàng đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng giáo dục độc lập, khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy định, quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng đã thẩm định và thống nhất kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo như sau:

Số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 44 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm tỷ lệ 88 %, trong đó, mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu”.

Điểm trung bình của các tiêu chí là: 4,04 (chi tiết trong Phụ lục 1).

**Điều 2.** Kiến nghị Học viện Ngân hàng cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo cho giai đoạn 05 năm đánh giá tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2028), được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng (chi tiết trong Phụ lục 2).

**Điều 3.** Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận: *Chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Kế toán của Học viện Ngân hàng* đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn ban cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao cho ngành Kế toán của Học viện Ngân hàng./.

**Nơi nhận:**

- HVNH (để thực hiện);
- Phòng ĐG&CNCLGD (để giám sát);
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD  
CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN KIM DUNG**



## PHỤ LỤC 1

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CỬ NHÂN CHẤT LƯỢNG CAO**  
**NGÀNH KẾ TOÁN CỦA HỌC VIỆN NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Nghị quyết số **56**/NQ-HĐKĐCLGD ngày **21**/05/2023  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

| Tiêu chuẩn,<br>Tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                 |                           | Tiêu chuẩn,<br>Tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn         |                 |                           |
|-------------------------|-------------------|--------------------------|-----------------|---------------------------|-------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------|---------------------------|
|                         |                   | Mức trung bình           | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |                         |                   | Mức trung bình                   | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                   |                          |                 |                           | <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 1.1            | 4                 | 4,00                     | 3               | 100                       | Tiêu chí 7.1            | 3                 | 3,80                             | 4               | 80                        |
| Tiêu chí 1.2            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 1.3            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                   |                          |                 |                           | Tiêu chí 7.4            | 4                 |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 2.1            | 4                 | 3,67                     | 2               | 66,67                     | Tiêu chí 7.5            | 4                 |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 2.2            | 3                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 2.3            | 4                 |                          |                 |                           | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                   |                                  |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                   |                          |                 |                           | Tiêu chí 8.1            | 4                 | 4,20                             | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 3.1            | 4                 | 4,00                     | 2               | 66,67                     | Tiêu chí 8.2            | 4                 |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 3.2            | 3                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 3.3            | 5                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                   |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 4.1            | 5                 | 4,33                     | 3               | 100                       | Tiêu chí 8.4            | 5                 |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 4.2            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 4.3            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                   |                          |                 |                           | Tiêu chí 8.5            | 4                 |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 5.1            | 4                 | 3,80                     | 4               | 80                        | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                   | 4,00                             | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 5.2            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 5.3            | 3                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 5.4            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 5.5            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                   |                          |                 |                           | <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 6.1            | 3                 | 4,14                     | 6               | 85,71                     | Tiêu chí 10.1           | 4                 | 4,00                             | 5               | 83,33                     |
| Tiêu chí 6.2            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 6.3            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 6.4            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 6.5            | 4                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 6.6            | 5                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
| Tiêu chí 6.7            | 5                 |                          |                 |                           |                         |                   |                                  |                 |                           |
|                         |                   |                          |                 |                           | <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                   |                                  |                 |                           |
|                         |                   |                          |                 |                           | Tiêu chí 11.1           | 5                 | 4,40                             | 5               | 100                       |
|                         |                   |                          |                 |                           | Tiêu chí 11.2           | 4                 |                                  |                 |                           |
|                         |                   |                          |                 |                           | Tiêu chí 11.3           | 5                 |                                  |                 |                           |
|                         |                   |                          |                 |                           | Tiêu chí 11.4           | 4                 |                                  |                 |                           |
|                         |                   |                          |                 |                           | Tiêu chí 11.5           | 4                 |                                  |                 |                           |
| <b>Mức trung bình</b>   |                   |                          |                 |                           | <b>Số tiêu chí đạt</b>  |                   | <b>Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)</b> |                 |                           |
| <b>4,04</b>             |                   |                          |                 |                           | <b>44</b>               |                   | <b>88,00</b>                     |                 |                           |

## PHỤ LỤC 2

# KIỂM NGHIỆM CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CỬ NHÂN CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH KẾ TOÁN CỦA HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

(Kèm theo Nghị quyết số **56/NQ-HĐKĐCLGD** ngày **21/05/2023**  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ cử nhân chất lượng cao ngành Kế toán của Học viện Ngân hàng đã được Học viện tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy:

### I. Những điểm mạnh nổi bật của chương trình đào tạo

1. Học viện Ngân hàng được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành công văn số 1857/QĐ-BGDĐT ngày 11/4/2014 về việc đồng ý cho phép đào tạo thí điểm chương trình cử nhân chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy ngành Kế toán. Trong giai đoạn kiểm định chất lượng 2017-2022, Học viện đã ban hành chương trình đào tạo và thực hiện chỉnh sửa, đổi mới chương trình đào tạo trình độ cử nhân chất lượng cao ngành Kế toán vào các năm 2017, năm 2019 và năm 2022. Mục tiêu của chương trình đào tạo trình độ cử nhân chất lượng cao ngành Kế toán xây dựng về cơ bản phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện và Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các năm 2017, năm 2019 và năm 2022 cũng được rà soát, chỉnh sửa và được lấy ý kiến các bên liên quan nhằm hoàn thiện chuẩn đầu ra.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo chất lượng cao được xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin của ngành Kế toán; được rà soát và ban hành vào các năm 2017, năm 2019 và năm 2022; có lấy ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu người học). Đề cương học phần có đầy đủ các thông tin theo quy định (17 nội dung có liên quan). Đề cương các học phần ban hành năm 2022 về cơ bản được xây dựng theo quy định chung của Học viện và được cập nhật thông tin so với đề cương học phần ban hành năm 2017 và 2019. Đề cương chi tiết học phần được giảng viên cập nhật nội dung cụ thể theo từng lớp giảng và được công bố công khai cho người học trên hệ thống truyền thông của Học viện.

3. Chương trình dạy học đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Kế toán được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra có tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học. Tất cả đề cương học phần đều chỉ ra phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Chương trình dạy học được thiết kế giảng dạy trong 04 năm học; việc phân bố các học phần thuộc các khối kiến thức trong 04 năm học lý, bảo đảm tính logic, khoa học và tạo điều kiện cho người học có nhiều thời gian tìm hiểu thực tế liên quan đến nghề nghiệp. Chương trình dạy học năm 2022 đã được điều chỉnh, tiếp cận theo hướng tích hợp với các chương trình đào tạo của các Hiệp hội Nghề nghiệp về Kế toán Kiểm toán trên thế giới (ICAEW, ACCA). Chương trình đào tạo chất lượng cao được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo các chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Kế toán của một số Học viện, trường đại học trong nước và Hiệp hội nghề nghiệp.

4. Triết lý giáo dục của Học viện Ngân hàng là "Toàn diện - Sáng tạo - Hội nhập". Mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Học viện được tất cả cán bộ giảng viên, người học của cơ sở giáo dục nắm bắt và thực hiện. Các phương pháp dạy và học được trình bày trong đề cương chi tiết các học phần. Đối với phương pháp giảng dạy, tùy thuộc vào từng đối tượng, giảng viên linh hoạt lựa chọn các phương pháp giảng dạy khác nhau phù hợp với từng chuẩn đầu ra. Đối với phương pháp học, mỗi chuẩn đầu ra thì phương pháp học cũng được lựa chọn một, hai



phương pháp tương ứng với phương pháp dạy của giảng viên và năng lực học tập của người học. Để phát huy hiệu quả, phối hợp các phương pháp dạy và học, giảng viên đã chủ động công bố đề cương chi tiết học phần trên hệ thống, hướng dẫn người học nội dung và phương pháp học để chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt các chuẩn đầu ra của học phần.

5. Học viện có ban hành quy định tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ như quy định đào tạo đại học hệ chính quy chương trình chất lượng cao, hướng dẫn quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với đào tạo đại học hệ chính quy chương trình chất lượng cao. Học viện đã xây dựng các quy trình về công tác khảo thí và đánh giá người học như quy định về hoạt động kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần. Các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được xác định rõ ràng và được công khai tới người học trên cổng thông tin điện tử của Học viện, qua phần mềm quản lý đào tạo, Sổ tay Sinh viên, trang cá nhân của người học. Công tác khảo thí đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng theo tiến độ thời gian quy định. Học viện có quy định về việc kiểm tra, đánh giá được công bố rõ ràng, đúng thời gian quy định đến người học, giảng viên và cố vấn học tập để thực hiện và kiểm tra giám sát. Các quy định, quy trình về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học được Học viện quy định cụ thể trong quy định về đánh giá học phần.

6. Trong chu kỳ đánh giá chất lượng giáo dục, tất cả giảng viên được đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch hằng năm của Học viện. Học viện đã thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên theo quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPIs) tại Học viện Ngân hàng. Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công việc được lấy ý kiến đóng góp của giảng viên, được phân tích, điều chỉnh hằng năm và được giảng viên và nghiên cứu viên ủng hộ. Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, giảng viên và nghiên cứu viên Khoa Kế toán-Kiểm toán đã công bố được 336 bài báo trên các tạp chí Khoa học chuyên ngành được Hội đồng Chức danh giáo sư Nhà nước công nhận, trong đó có 08 bài ISI/SCOPUS; 332 bài ở các hội nghị trong nước và quốc tế; 42 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, trong đó có 02 đề tài cấp Nhà nước và tương đương.

7. Năng lực của đội ngũ nhân viên được thể hiện ở quy định đánh giá kết quả thực hiện công việc tại Học viện Ngân hàng với các tiêu chí đã được lượng hóa cho nhân viên. Hằng năm, Học viện đều khảo sát ý kiến của đội ngũ nhân viên về bộ tiêu chí đánh giá KPIs và chỉnh sửa để ban hành bộ chỉ số KPIs mới phù hợp hơn. Học viện đã thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên theo quy định đánh giá KPIs và các hướng dẫn kèm theo. Học viện đã định kỳ khảo sát sự hài lòng của nhân viên về công tác thi đua khen thưởng; khảo sát và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên làm căn cứ để tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng; các văn bản này được định kỳ rà soát, điều chỉnh để phù hợp hơn với điều kiện thực tế của Học viện.

8. Chính sách, phương pháp và tiêu chí tuyển sinh chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Kế toán rõ ràng, được cập nhật hằng năm và được công khai rộng rãi; quá trình học tập và rèn luyện của người học được giám sát chặt chẽ và hiệu quả bởi một hệ thống phù hợp với sự tham gia của nhiều đơn vị và sự trợ giúp của phần mềm quản lý đào tạo. Các hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập và khả năng có việc làm của người học đa dạng, hiệu quả. Môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thân thiện đáp ứng nhu cầu của người học.

9. Học viện Ngân hàng có hệ thống phòng học, phòng đọc dành riêng cho giảng viên, người học chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao với các trang thiết bị phù hợp và wifi tốc độ cao. Tài liệu, sách tham khảo của Trung tâm Thông tin-Thư viện phong phú, đa dạng và được bổ sung hằng năm; có nhân sự riêng phối hợp với Ban quản lý chương trình chất lượng cao, Khoa/Bộ môn để chuẩn bị học liệu theo kế hoạch đào tạo và đề tư vấn, hỗ trợ người học sử dụng tài liệu. Các trang thiết bị của các phòng chức năng và hệ thống công nghệ thông tin đều có số



theo dõi sử dụng; được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng. Học viện Ngân hàng có môi trường sạch, đẹp; các biện pháp để bảo vệ sức khỏe và an toàn được xác định và triển khai thực hiện.

10. Học viện có hệ thống và quy trình thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu từ các bên liên quan và Khoa; có sử dụng kết quả để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Học viện/Khoa có các quy định và có triển khai rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học. Có chính sách và yêu cầu cũng như một số lượng đáng kể các đề tài nghiên cứu khoa học được chuyển thành các sản phẩm phục vụ giảng dạy và học tập. Có đầy đủ các văn bản và quy định, yêu cầu rõ ràng, có định kỳ đánh giá mức độ đáp ứng và thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Đội ngũ bảo đảm chất lượng của Học viện chuyên nghiệp, nhiệt tình và được đào tạo bài bản.

11. Học viện có các phòng chức năng cùng Khoa thực hiện việc xác lập tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, tỉ lệ có việc làm. Theo đó, tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng và trước hạn khá cao; tỉ lệ thôi học rất thấp; thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tương đối phù hợp với thiết kế (từ 4 đến 4.24 năm); tỉ lệ phản hồi khảo sát việc làm cao với trên 90% người học tốt nghiệp có việc làm. Có một tỉ lệ đáng kể người học chương trình chất lượng cao ngành Kế toán tham gia làm nghiên cứu khoa học và đạt được nhiều giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ; người học có công bố chung với giảng viên trên các tạp chí ISSN. Học viện đã triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan và thực hiện các cải tiến nâng cao chất lượng dựa trên kết quả khảo sát.

## **II. Những điểm cần cải thiện, bổ sung, điều chỉnh của Học viện/Khoa; Kiến nghị của Hội đồng về việc đề nghị Học viện/Khoa khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo**

1. Khoa Kế toán-Kiểm toán cần rà soát, điều chỉnh mục tiêu chung cho phù hợp với đặc thù của ngành Kế toán; các mục tiêu cụ thể cần bảo đảm các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm để phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định của giáo dục đại học. Cần tiếp tục hoàn thiện chuẩn đầu ra theo mục tiêu chương trình đào tạo để làm rõ nét định hướng nghề nghiệp, định hướng đào tạo toàn diện và mang đặc trưng riêng của ngành Kế toán do Học viện Ngân hàng đào tạo; nhấn mạnh bảo đảm đáp ứng yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, doanh nghiệp lớn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Cần triển khai hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh, xây dựng, ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo một cách đầy đủ, bài bản, hiệu quả.

2. Khoa cần căn cứ vào hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo để cập nhật, hoàn thiện đầy đủ nội dung yêu cầu đối với bản mô tả chương trình đào tạo theo quy định. Thiết kế các ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu đào tạo; ma trận chiến lược phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra; ma trận chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cần được hoàn thiện cập nhật đầy đủ. Học viện cần giao cho đơn vị chức năng phối hợp Khoa quản lý chương trình đào tạo tổng hợp, kiểm tra, rà soát đối chiếu các đề cương chi tiết học phần cho từng ngành đào tạo và trình Giám đốc ký ban hành các đề cương chi tiết học phần. Công tác kiểm tra, đối chiếu, rà soát việc biên soạn đề cương chi tiết học phần cần được thực hiện kỹ càng để bảo đảm các đề cương chi tiết học phần từng chương trình đào tạo đồng bộ về thông tin, trình bày thống nhất, bám sát chuẩn đầu ra chương trình đào tạo để xây dựng chuẩn đầu ra học phần cho phù hợp.

3. Học viện/Khoa cần quy định cụ thể việc đánh giá sự phù hợp của các phương pháp giảng dạy, phương pháp học, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần để bảo đảm việc đo lường mức độ đóng góp vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Học viện cần



đánh giá và xác định mức độ đáp ứng của tất cả học phần trong chương trình đào tạo và bảo đảm đúng trình tự, có quy trình và căn cứ phù hợp. Học viện cần quy định cụ thể về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá để sử dụng thống nhất trong toàn Học viện và cần thể hiện đầy đủ trong chương trình đào tạo một cách khái quát. Học viện cần lưu ý khi xây dựng chương trình dạy học cần làm rõ tính tích hợp giữa các khối kiến thức, kết hợp giữa việc hoàn thành các học phần với việc lấy các chứng chỉ Kế toán Kiểm toán trong nước và quốc tế, giữa các chương trình đào tạo các trường đại học trong nước và quốc tế.

4. Học viện cần ban hành hướng dẫn tổng thể về việc xây dựng, thiết kế, áp dụng các phương pháp dạy và học cho chương trình đào tạo trình độ đại học. Theo đó, quy định chỉ rõ căn cứ xây dựng, thiết kế, lựa chọn phương pháp dạy và học được sử dụng cho từng khối kiến thức. Học viện/Khoa cần rà soát đề cương học phần để bổ sung vào các phương pháp học tập hỗn hợp (blended learning) và một số phương pháp học tập rèn luyện khả năng học tập suốt đời như phương pháp học cách học, học cách suy nghĩ; phương pháp tìm kiếm tài liệu, đọc tài liệu trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Khoa cần xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học nhằm định hướng cho người học để tăng năng lực nghiên cứu, hỗ trợ người học tự nghiên cứu.

5. Học viện cần định kỳ thực hiện rà soát tổng thể và đánh giá về độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp/công cụ kiểm tra, đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp nhằm xác định được độ giá trị, độ tin cậy của các câu hỏi thi/đề thi và sự chính xác trong việc đo lường mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Cần cập nhật đầy đủ các quy định về việc phản hồi kiểm tra, đánh giá của người học lên cổng thông tin điện tử của Học viện và cổng thông tin điện tử của người học. Học viện cần phân định rõ trách nhiệm của người chấm thi khi có sự chênh lệch điểm trước và sau khi khiếu nại để đảm bảo quyền lợi cho người học.

6. Học viện cần rà soát lại kế hoạch chiến lược, đề án vị trí việc làm để đảm bảo sự phát triển của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên phù hợp với nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khoa Kế toán-Kiểm toán cần phân tích kỹ nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của ngành Kế toán dựa trên các số liệu thống kê của các cơ quan quản lý Nhà nước như Tổng cục Thống kê và việc khảo sát nhu cầu của Học viện/Khoa để có quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trong thời gian trung hạn và dài hạn. Ban hành quy chế tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển bao gồm các tiêu chí trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc thù của cơ sở giáo dục đại học để thuận lợi cho công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển. Xem xét tăng cường các khóa bồi dưỡng về Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, đặc biệt là các khóa bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ hiện đại trong dạy học, phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra, phát triển chương trình đào tạo. Cải tiến phần mềm hiện có để việc đánh giá KPIs có thể được tiến hành hoàn toàn trên phần mềm. Các công việc mà giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện sẽ được cập nhật và tính toán trên phần mềm.

7. Học viện cần xem xét ban hành quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái đối với công chức, viên chức trong đó có đề cập đến việc điều chuyển nhân viên. Rà soát trình độ hiện tại của đội ngũ nhân viên, phân tích yêu cầu của công việc hiện tại và trong tương lai để cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên, đặc biệt là đội ngũ nhân viên có trình độ trung học, trung cấp. Học viện xem xét tăng cường cử nhân viên đi học các khóa bồi dưỡng chức danh, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng về công tác bảo đảm chất lượng giáo dục. Cần lượng hóa cụ thể tiêu chí đánh giá của đội ngũ nhân viên để bảo đảm khích lệ đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao, đặc biệt là các tiêu chí liên quan đến danh hiệu từ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và nâng lương trước thời hạn đối với đội ngũ nhân viên. Học viện cần xem xét cải tiến phần



mềm quản trị hiện có hoặc phát triển phần mềm mới cho việc quản trị theo kết quả công việc và thi đua khen thưởng của nhân viên.

8. Học viện cần lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách, tiêu chí, phương thức tuyển sinh; các phân tích về nhu cầu nhân lực cần được cập nhật đầy đủ để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực; đối chiếu, phân tích kết quả học tập của từng người học/nhóm người học được tuyển chọn theo các tiêu chí, phương thức khác nhau để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển sinh. Cần tìm hiểu đầy đủ nguyên nhân và có giải pháp hữu hiệu để hạn chế số lượng người học bị cảnh báo học vụ, người học thôi học và người học chậm tốt nghiệp. Cần cải thiện một số dịch vụ tại khu ký túc xá, nhà ăn, căn tin; bố trí thêm không gian vui chơi thể dục-thể thao cho người học.

9. Học viện cần bố trí thêm phòng làm việc, phòng đọc cho giảng viên, phòng đọc cho người học chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao. Cần bổ sung máy tính, đầu tư trang thiết bị và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho Trung tâm Thông tin-Thư viện để đáp ứng yêu cầu tự động hóa trong quản lý Trung tâm Thông tin-Thư viện và tổ chức dịch vụ trực tuyến. Cần nâng cấp mạng internet để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; nâng cấp Trạm Y tế và bố trí thêm sân chơi thể dục-thể thao cho người học. Học viện Ngân hàng cần căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để có kế hoạch tăng cường đầu tư cơ sở vật chất.

10. Học viện cần xây dựng đầy đủ cơ chế phản hồi của các bên liên quan một cách hệ thống để đánh giá, rà soát và định kỳ cải tiến. Học viện/Khoa cần thu thập ý kiến phản hồi của đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chương trình đào tạo nhiều hơn với mẫu lớn hơn và rà soát lại toàn bộ các chuẩn đầu ra đã tuyên bố, thiết kế và sử dụng các báo cáo môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo để các chuẩn đầu ra có thể đo lường được và đánh giá được; việc kiểm tra, đánh giá cũng cần được rà soát để bảo đảm việc đạt được chuẩn đầu ra. Học viện cần đẩy mạnh hơn nữa dự án xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu để tạo điều kiện cho các bên liên quan tiếp cận thông tin thuận lợi và dễ dàng hơn.

11. Học viện cần nâng cao hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp; đổi mới nội dung khảo sát việc làm để tăng lượng thông tin hữu ích hỗ trợ cho việc đổi mới chương trình đào tạo, tăng tỉ lệ người học tốt nghiệp tự tạo việc làm và việc làm đúng ngành đào tạo. Cần tăng tỉ lệ người học ngành Kế toán tham gia nghiên cứu khoa học và nâng cao chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học; tổ chức các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở do người học chủ trì; phân đầu chi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học đạt 3% học phí. Cần nâng cấp Bộ tiêu chí đánh giá năng lực người học tốt nghiệp phù hợp hơn với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; phân tích tương quan giữa các khảo sát khác nhau để đánh giá khoa học, khách quan những ý kiến phản hồi và từ đó có những đáp ứng tích cực, hiệu quả hơn trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục thuộc kiến nghị của Hội đồng, đề nghị Học viện và Khoa đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo. Vào giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (hai năm rưỡi sau khi được công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo), Học viện gửi báo cáo kết quả thực hiện cải thiện chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định./.